

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thia.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phước Thị Kim Huê.
- Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công KH vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Bé H, sinh năm 1976 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Thạch Th, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp S T T, xã A Q H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Bé H trình bày.

Chị và anh Thạch Th quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình H bên nên chị và anh Th tổ chức đám cưới vào năm 1992 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống vợ chồng sống riêng tại ấp S T T, xã A Q H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch Thị Thu N, sinh năm 1998 và Thạch Hoàng H, sinh năm 2005 đã trưởng thành. Về tài sản chung tự thỏa thuận xong. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Sau khi đám cưới vợ chồng sống hạnh được khoảng 30 năm thì H vợ chồng phát mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau do bất quan điểm trong cuộc sống, anh Th thường xuyên đánh chị nên chị về sống bên mẹ ruột và ly thân trên 01 năm nay. Khi chị về bên mẹ ruột sống anh Th có đến khuyên chị về sống nhưng chị không đồng ý.

Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết như sau. Về hôn nhân: Do chị với anh Th chung sống không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu không công nhận quan hệ chị với anh Th là vợ chồng. Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Th trình bày: Anh với chị Bé H quen biết nhau và chung với nhau vào năm 1992, anh nhớ chung sống có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay đã thất lạc giấy chứng nhận. Sau khi kết hôn anh và chị Bé H sống riêng tại ấp S T T, xã A Q H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Anh thống nhất lời KH của chị Bé H về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Bé H đã KH là đúng. Nguyên nhân dẫn đến chị Bé H nộp đơn khởi kiện ly hôn anh Th xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh có đánh chị Bé H nhưng đã lâu. Sau khi vợ chồng anh mâu thuẫn chị Bé H về sống bên mẹ ruột và sống ly thân. Sau đó anh với chị Bé H tự thỏa thuận chia tài sản chung và đã chia xong, về hôn nhân anh cũng thống nhất ly hôn nhưng do trong gian sống ly thân thì anh phát hiện chị Bé H có quen người đàn ông khác nên anh không đồng ý ly hôn. Khi chị Bé H về bên mẹ ruột sống anh có đến khuyên để chị Bé H về sống nhưng chị Bé H không đồng ý. Nay anh xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những nội dung các đương sự đã thỏa thuận được:

- Về con chung: Thống nhất các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những nội dung các đương sự không thỏa thuận được:

Về hôn nhân: Chị Bé H yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ chị với anh Th là vợ chồng. Anh Th không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Các đương sự cũng không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và yêu cầu triệu tập thêm ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Do quen biết, tìm hiểu, chị Bé H và anh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình H bên tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, quá trình chung sống anh, chị mâu thuẫn, bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, sau khi thụ lý Thẩm phán tiến hành ghi lời KH anh Th, chị Bé H đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay và anh Th có đến hòa giải động viên để chị Bé H về nhưng chị Bé H không đồng ý, chị cương quyết yêu cầu giải quyết không công nhận giữa chị và anh Th là vợ chồng, về con chung có 02 đứa đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung anh chị đã thỏa thuận phân chia xong không yêu cầu giải quyết, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Bé H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị Bé H yêu cầu giải quyết không công nhận chị và anh Th là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Bé H. Bị đơn anh Thạch Th, sinh năm 1974, địa chỉ ấp S T T, xã A Q H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh được quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân, chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th quen biết và sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện. Chị Thạch Thị Bé H cho rằng chị và anh Th sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn. Anh Thạch Th cho rằng anh và chị Bé H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1992. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bé H và anh Th. Tại Văn bản số 47/UBND-TP ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu khẳng định chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th không có đăng ký kết hôn. Như vậy có thể khẳng định chị Bé H và anh Thạch Th sống chung với nhau không có

đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Bé H và anh Thạch Th thấy rằng quá trình sống chung chị Bé H và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm, anh Th có tính ghen tuông, anh Th thừa nhận có đánh đập chị Bé H, sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị Bé H và anh Th thống nhất chia tài sản chung, anh Th cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân anh Th phát hiện chị Bé H có người quen người đàn ông khác nên không đồng ý ly hôn nhưng anh Th không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị Bé H có người đàn ông khác. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Bé H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc sống chung như vợ chồng giữa chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân này không hợp pháp. Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Nay chị Bé H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về con chung: Chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th thống nhất có 02 con chung tên Thạch Thị Thu N, sinh năm 1998 và Thạch Hoàng H, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Thạch Thị Bé H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Bé H.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th.

Về con chung: 02 con chung tên Thạch Thị Thu N, sinh năm 1998 và Thạch Hoàng H, sinh năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Kim Thị Bé H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Bé H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003513 ngày 19/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị Bé H và anh Thạch Th có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thia